TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14-7-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Công
Bà Nguyễn Thị Mai Hương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái*** tham gia phiên tòa: Bà Mạc Minh Song – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 101/2020/TLST–HNGĐ ngày 15/5/2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST - DS ngày 19 tháng 6 năm 2020; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 13/2020/TB-XX ngày 03/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Mông Thị O**, sinh năm 1999
Địa chỉ: Tổ X, thị trấn Y, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (có mặt)
2. *Bị đơn:* anh **Trần Trung K**, sinh năm 1992
Địa chỉ: Tổ X, thị trấn Y, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2020, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn Mông Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Trần Trung K kết hôn trên vào ngày 05/4/2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Y, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K thường xuyên có hành vi cờ bạc, lô đề và bạo lực gia đình. Mặc dù gia đình hai bên

khuyên giải nhiều lần nhưng anh K không thay đổi. Đến nay xác định tình cảm không còn, chị O yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: chị và anh K có 01 con chung Trần Tuấn A, sinh ngày 04/11/2018, hiện đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn, chị O có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lục Yên đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn Trần Trung K nhưng anh K không có mặt. Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không hòa giải được và đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử về nội dung vụ án như sau:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014: Về quan hệ hôn nhân giải quyết cho chị O được ly hôn với anh K, về con chung giao cháu Tuấn A cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia xét xử lần hai nhưng vắng mặt, không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Mông Thị O và anh Trần Trung K kết hôn vào ngày 15/9/2015 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: qua lời khai của nguyên đơn sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh K thường xuyên có hành vi cờ bạc, lô đề và bạo lực gia đình. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, hiện tại chị O và anh K sống ly thân và cũng không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng hôn nhân. Lời khai của nguyên đơn là phù hợp với nội dung biên bản xác minh của Tòa án tại Tổ X, thị trấn Y, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Tại phiên tòa hôm nay, chị O vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh K đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị O, có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị Ovà anh K có 01 con chung Trần Tuấn A, sinh ngày 04/11/2018 dưới 36 tháng tuổi, hiện tại đang do chị O trực tiếp nuôi dưỡng. Khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi*…." Mặt khác, hiện tại anh K không có mặt tại nơi cư trú, không có mặt tại Tòa án do đó không có căn cứ để xém xét việc nuôi con.

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Tuấn A cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp. Chị O không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí:* chị Mông Thị O phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; 57; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228; Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Mông Thị O được ly hôn với anh Trần Trung K.

2. Về con chung: giao cho chị Mông Thị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Tuấn A, sinh ngày 04/11/2018 cho đến khi đủ18 tuổi. Anh Trần Trung K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Mông Thị O phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai số AA/2017/0004837 ngày 15/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Chị O đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: chị O được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND thị trấn Y;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

Trần Đăng Ninh